

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNV-TCBC&TCPCP Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025  
V/v hướng dẫn thành lập, sắp xếp  
hội quần chúng có phạm vi hoạt động  
trên địa bàn cấp xã

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Căn cứ Nghị quyết số 1685/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh sau khi hợp nhất với tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Nội vụ;

Căn cứ Công văn số 1911/BNV-TCPCP ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Nội vụ hướng dẫn thành lập, sắp xếp hội quần chúng có phạm vi hoạt động trên địa bàn cấp xã (sau đây gọi tắt là Hội cấp xã), cụ thể như sau:

## I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Hướng dẫn này áp dụng đối với các hội có tư cách pháp nhân được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

## II. THẨM QUYỀN THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI CÁC HỘI CẤP XÃ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền công nhận Ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi cấp xã theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

## III. QUY TRÌNH VÀ HỒ SƠ THỰC HIỆN

### 1. Thành lập mới các hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn cấp xã

#### 1.1. Công nhận Ban vận động thành lập hội

- Tổ chức, công dân Việt Nam có nhu cầu thành lập hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn cấp xã phải thành lập Ban vận động thành lập hội (trong đó dự

kiến Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên) theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 11 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP và gửi hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận Ban vận động thành lập hội.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận Ban vận động thành lập hội khi đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lấy ý kiến các cơ quan có liên quan đến hoạt động của hội, xem xét hồ sơ và quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội có hiệu lực, Ban vận động thành lập hội không hoàn thiện hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội đương nhiên hết hiệu lực.

- Hồ sơ đề nghị công nhận Ban vận động thành lập hội gồm:

(1) Đơn đề nghị công nhận Ban vận động thành lập hội (bản gốc), trong đơn nêu rõ tên hội, sự cần thiết thành lập hội, tôn chỉ, mục đích của hội, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động, phạm vi hoạt động, dự kiến thời gian chuẩn bị thành lập hội và nơi tạm thời làm địa điểm hội họp;

(2) Danh sách trích ngang (bản gốc) của những người dự kiến trong Ban vận động thành lập hội, gồm: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quê quán; trình độ văn hóa; trình độ chuyên môn; chức vụ, đơn vị công tác (nếu có); chức danh trong Ban vận động thành lập hội; địa chỉ thường trú hoặc tạm trú; số điện thoại liên hệ và tài liệu liên quan (bản chính) theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định này;

(3) Sơ yếu lý lịch cá nhân (theo mẫu) và phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) của các thành viên Ban vận động thành lập hội không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ; nếu thành viên Ban vận động thành lập hội là cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền đồng ý cho tham gia Ban vận động thành lập hội bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì không phải nộp phiếu lý lịch tư pháp số 1;

(4) Ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia Ban vận động thành lập hội (bản chính).

## ***1.2. Quyết định cho phép thành lập hội***

- Ban vận động thành lập hội có trách nhiệm vận động tổ chức, công dân Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội có hiệu lực, Ban vận động thành lập hội hoàn thiện 01 bộ hồ sơ thành lập hội theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét,

cho phép thành lập nếu đảm bảo quy định. Ban vận động thành lập hội tự giải thể sau khi tổ chức đại hội thành lập bầu ra Ban Chấp hành hội.

- Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các cơ quan có liên quan đến hoạt động của hội quyết định cho phép thành lập hội; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Hồ sơ đề nghị thành lập hội gồm:

(1) Đơn đề nghị thành lập hội theo mẫu (bản gốc);

(2) Dự thảo điều lệ theo mẫu;

(3) Quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội kèm theo danh sách thành viên Ban vận động thành lập hội (bản chính);

(4) Danh sách và đơn đăng ký tham gia thành lập hội của tổ chức, công dân Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội (bản gốc);

(5) Sơ yếu lý lịch cá nhân theo mẫu và phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) của Trưởng Ban vận động thành lập hội không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

(6) Ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia làm Trưởng Ban vận động thành lập hội (bản chính);

(7) Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp nơi dự kiến đặt trụ sở của hội theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

(8) Bản kê khai tài sản thành lập hội (bản gốc) của Ban vận động thành lập hội tự nguyện đóng góp (nếu có);

(9) Bản cam kết đảm bảo kinh phí hoạt động trong nhiệm kỳ lần thứ nhất của hội nếu được thành lập (bản gốc).

### ***1.3. Đại hội thành lập***

- Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập hội, Ban vận động thành lập hội tổ chức đại hội thành lập. Quá thời hạn 60 ngày làm việc mà Ban vận động thành lập hội chưa chuẩn bị kịp để tiến hành tổ chức đại hội thành lập, thì trong thời gian 15 ngày làm việc tính từ ngày hết thời hạn 60 ngày làm việc, Ban vận động thành lập hội chủ động có văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị gia hạn.

- Thời gian gia hạn không quá 30 ngày làm việc tính từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành văn bản cho phép gia hạn.

- Quyết định cho phép thành lập hội hết hiệu lực trong trường hợp:

+ Hội không tổ chức đại hội theo thời gian quy định và không có văn bản đề nghị gia hạn theo quy định;

+ Quá thời gian được gia hạn theo quy định mà Ban vận động thành lập hội không tổ chức đại hội thành lập, trừ trường hợp có lý do bất khả kháng.

- Khi quyết định cho phép thành lập hội hết hiệu lực theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thu hồi quyết định cho phép thành lập hội. Hội bị thu hồi quyết định cho phép thành lập sẽ không được thành lập lại trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bị thu hồi quyết định cho phép thành lập.

- Quyết định thành lập Ban vận động thành lập hội đương nhiên hết hiệu lực khi quyết định cho phép thành lập hội bị thu hồi theo quy định.

- Trước khi tổ chức đại hội thành lập 15 ngày làm việc, Ban vận động thành lập hội gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo theo quy định tại khoản 8 Điều 19 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét, có ý kiến.

- Sau khi nhận hồ sơ báo cáo đầy đủ, hợp pháp theo quy định và ý kiến đồng thuận của các cơ quan có liên quan đến ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội.

- Hội tổ chức đại hội sau khi có ý kiến cho phép tổ chức đại hội bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Hồ sơ báo cáo tổ chức đại hội thành lập:

(1) Văn bản của hội báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc tổ chức đại hội thành lập (bản gốc);

(2) Đề án nhân sự (bản gốc), trong đó nêu rõ tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, dự kiến danh sách thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội và chức danh khác (nếu có);

(3) Ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với nhân sự là cán bộ, công chức, viên chức dự kiến tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ hoặc giữ các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội (bản chính).

Trường hợp dự kiến Chủ tịch hội không phải là Trưởng Ban vận động thành lập hội thì phải bổ sung sơ yếu lý lịch cá nhân và phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ; nếu Chủ tịch hội dự kiến nêu trên là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì không phải nộp phiếu lý lịch tư pháp số 1;

(4) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội (bản gốc).

- Nội dung chủ yếu của đại hội thành lập:

(1) Công bố, trao quyết định cho phép thành lập hội;

(2) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;

- (3) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử;
- (4) Báo cáo kết quả quá trình vận động thành lập hội;
- (5) Thảo luận điều lệ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét khi cho phép thành lập hội và biểu quyết điều lệ;
- (6) Thông qua đề án nhân sự đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của hội; đề cử, ứng cử vào danh sách thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra hội;
- (7) Bầu Ban Chấp hành hội, Ban Kiểm tra hội;
- (8) Thông qua chương trình hoạt động nhiệm kỳ của hội;
- (9) Các vấn đề khác (nếu có);
- (10) Thông qua nghị quyết đại hội.

#### ***1.4. Báo cáo kết quả đại hội, phê duyệt điều lệ hội***

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đại hội, Ban Chấp hành hội gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kết quả đại hội, đề nghị phê duyệt điều lệ (bản chính) đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

- Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt điều lệ hội với điều kiện hội hoàn thiện dự thảo điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật theo ý kiến của các cơ quan liên quan đến lĩnh vực hội hoạt động. Trường hợp nội dung điều lệ hội trái với quy định của pháp luật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ chối phê duyệt và yêu cầu, hướng dẫn hội hoàn thiện điều lệ hội đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

- Sau khi hội báo cáo kết quả đại hội đầy đủ, hợp pháp theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt điều lệ hội và ra văn bản thông báo việc tổ chức đại hội của hội đã đảm bảo theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

- Hồ sơ báo cáo kết quả đại hội:

- (1) Văn bản báo cáo kết quả đại hội, trong đó có đề nghị phê duyệt điều lệ hội;
- (2) Dự thảo điều lệ;
- (3) Biên bản đại hội; biên bản bầu Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra và các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội (có danh sách kèm theo);
- (4) Trường hợp Chủ tịch hội không phải là nhân sự dự kiến đã báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì hội bổ sung sơ yếu lý lịch cá nhân và phiếu lý lịch tư pháp số 1 không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ. Chủ tịch hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì không phải nộp phiếu lý lịch tư pháp số 1;
- (5) Chương trình hoạt động của hội;

(6) Nghị quyết đại hội.

## **2. Sắp xếp các hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn cấp xã cũ thành hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn cấp xã mới**

Sau khi hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1685/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, việc sắp xếp các hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn cấp xã cũ thành hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn cấp xã mới thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Công văn số 1911/BNV-TCPCP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, cụ thể:

*\* Trường hợp sáp nhập, hợp nhất đơn vị hành chính cấp xã còn giữ nguyên tên xã (ví dụ: xã X sáp nhập, hợp nhất xã Y thành xã Y)*

- Trường hợp có hội cùng tên gọi, lĩnh vực hoạt động chính (ví dụ: có Hội A ở xã X và có Hội A ở xã Y): Hội A ở xã X sáp nhập vào Hội A ở xã Y thành Hội A xã Y;

- Trường hợp khi ở xã này có hội, còn ở xã kia không có hội cùng tên gọi và lĩnh vực hoạt động chính (ví dụ: có Hội A ở xã X nhưng ở xã Y không có Hội A):

+ Nếu Hội A ở xã X tiếp tục hoạt động thì thực hiện việc đổi tên thành Hội A xã Y theo quy định tại Điều 31 và khoản 4 Điều 32 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP;

+ Nếu Hội A ở xã X không tiếp tục hoạt động thì thực hiện tự giải thể theo quy định tại Điều 34 Nghị định 126/2024/NĐ-CP.

*\* Trường hợp sáp nhập, hợp nhất đơn vị hành chính cấp xã có thay đổi về tên gọi xã (ví dụ: xã X sáp nhập, hợp nhất xã Y thành xã Z)*

- Đối với các hội có cùng tên gọi, lĩnh vực hoạt động chính (Hội A ở xã X và Hội A ở xã Y): Hội A ở xã X hợp nhất với Hội A ở xã Y thành Hội A ở xã Z;

- Trường hợp có hội ở xã này nhưng ở xã kia không có hội có cùng tên gọi và lĩnh vực hoạt động chính (ví dụ: có Hội A ở xã X nhưng ở xã Y không có Hội A):

+ Nếu Hội A ở xã X tiếp tục hoạt động thì thực hiện việc đổi tên thành Hội A xã Z theo quy định tại Điều 31 và Khoản 4 Điều 32 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP;

+ Nếu Hội A ở xã X không tiếp tục hoạt động thì thực hiện tự giải thể theo quy định tại Điều 34 Nghị định 126/2024/NĐ-CP.

Việc hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, giải thể hội thực hiện theo quy trình cụ thể như sau:

### **2.1. Hợp nhất, sáp nhập hội**

a) Đề xuất hợp nhất, sáp nhập hội

- Ban Chấp hành các hội trên địa bàn cấp xã cũ tiến hành họp và ký biên bản, nghị quyết đề nghị hợp nhất, sáp nhập hội theo trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP; đồng thời thống nhất giao hội

trên địa bàn 01 xã cũ chủ trì chuẩn bị hồ sơ gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã mới đề nghị hợp nhất, sáp nhập hội.

- Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập hội.

- Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập hội gồm:

(1) Đơn đề nghị hợp nhất, sáp nhập hội (bản chính); trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết và phù hợp quy định của pháp luật;

(2) Đề án hợp nhất, sáp nhập hội đã được Ban Chấp hành các hội thông qua (bản chính), trong đề án gồm có: phương án giải quyết tài sản, tài chính, lao động, hội viên; phân định chức năng, quyền hạn, lĩnh vực hoạt động; trách nhiệm, nghĩa vụ phải thực hiện; danh sách Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra của hội mới;

(3) Nghị quyết của Ban Chấp hành các hội về việc hợp nhất, sáp nhập hội (bản chính);

(4) Dự thảo điều lệ hội khi hợp nhất, sáp nhập hội (bản chính);

(5) Sơ yếu lý lịch cá nhân, phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ của nhân sự dự kiến là Chủ tịch của hội mới; nhân sự tham gia Ban Chấp hành của hội mới nếu thuộc diện quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ hoặc là cán bộ, công chức, viên chức thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền (trong trường hợp này nhân sự dự kiến là Chủ tịch của hội mới không phải cung cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1);

(6) Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp nơi dự kiến đặt trụ sở chính của hội mới do hợp nhất, sáp nhập hội (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu).

**Ghi chú:** Đối với các hội đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã mới ban hành quyết định hợp nhất, sáp nhập thì tiếp tục công tác chuẩn bị đại hội sau khi hợp nhất, sáp nhập.

b) Tổ chức đại hội sau khi hợp nhất, sáp nhập

- Các hội tiến hành họp để thống nhất cử ra Ban Chấp hành lâm thời để điều hành hoạt động của hội và công tác chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức đại hội.

- Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cho phép hợp nhất, sáp nhập hội, hội mới phải tổ chức đại hội để thông qua các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP (tương tự nội dung chủ yếu của đại hội thành lập theo hướng dẫn tại điểm 1.3 khoản 1 Mục III Công văn này). Hội tổ chức đại hội sau khi có ý kiến cho phép tổ chức đại hội bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đại hội, hội báo cáo kết quả đại hội theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định (trương tự nội dung hướng dẫn tại điểm 1.4 khoản 1 Mục III Công văn này).

- Sau khi hội báo cáo kết quả đại hội đầy đủ, hợp pháp theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt điều lệ hội và ra văn bản thông báo việc tổ chức đại hội của hội đã đảm bảo theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

## **2.2. Đổi tên hội**

- Căn cứ Nghị quyết số 1685/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Hồ Chí Minh sau khi hợp nhất với tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Ban Chấp hành hội trên địa bàn cấp xã cũ tiến hành họp và ban hành nghị quyết đề nghị đổi tên hội theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP; đồng thời chuẩn bị hồ sơ đề nghị đổi tên hội và gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã mới để đề nghị đổi tên hội.

- Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định cho phép đổi tên và phê duyệt điều lệ hội.

- Hồ sơ đề nghị đổi tên hội gồm:

(1) Đơn đề nghị đổi tên và phê duyệt điều lệ hội (bản chính); trong đó nêu rõ tình hình tổ chức, hội viên, danh sách nhân sự Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra hội, lý do, sự cần thiết và phù hợp quy định của pháp luật;

(2) Nghị quyết của Ban Chấp hành hội về việc đổi tên hội (bản chính);

(3) Dự thảo điều lệ hội khi đổi tên hội (bản chính);

(4) Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp nơi đặt trụ sở chính của hội (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu).

**Ghi chú:** Sau khi có quyết định đổi tên hội, Ban Chấp hành hội liên hệ các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện thủ tục liên quan đến pháp nhân của hội và tiếp tục hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ được phê duyệt.

## **2.3. Giải thể hội**

- Ban Chấp hành hội trên địa bàn cấp xã cũ tiến hành họp và ban hành nghị quyết đề nghị giải thể hội theo trách nhiệm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 34 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP; đồng thời chỉ đạo chuẩn bị hồ sơ gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã mới đề nghị giải thể hội và thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật tại trụ sở hội trong thời gian 15 ngày làm việc.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giải thể hội sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của hội khi xin giải thể mà không có đơn khiếu nại.

- Hội chấm dứt hoạt động kể từ ngày quyết định giải thể hội có hiệu lực. Hội tự giải thể không được phép thành lập lại trong thời hạn 05 năm kể từ ngày quyết định giải thể hội có hiệu lực thi hành.

- Hồ sơ đề nghị giải thể hội gồm:

(1) Đơn đề nghị giải thể hội;

(2) Biên bản có chữ ký của trên 1/2 tổng số hội viên chính thức hoặc nghị quyết của Ban Chấp hành hội về việc giải thể hội;

(3) Bản kê tài sản, tài chính;

(4) Dự kiến phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ.

***Ghi chú:*** Sau khi có quyết định hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, giải thể hội, hội liên hệ cơ quan công an cấp tỉnh để thực hiện thủ tục thu hồi con dấu theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

*(Các biểu mẫu thành lập, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, giải thể hội được kèm theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP)*

#### **IV. MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI**

##### **1. Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp xã**

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP quy định “2. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền ở tỉnh trên cơ sở các hội đã được giao biên chế, cấp hoặc hỗ trợ về kinh phí, điều kiện hoạt động, được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thường xuyên, phù hợp với quy định của Đảng và điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của địa phương.”

- Theo Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về danh sách Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), chỉ có Hội Chữ thập đỏ cấp xã được xác định là Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp xã (trên địa bàn khu vực Bình Dương và Bà Rịa – Vũng Tàu cũ không có quyết định xác định Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp xã). Do đó, sau khi hợp nhất 03 địa phương thành Thành phố Hồ Chí Minh (mới), tạm thời chỉ xác định Hội Chữ thập đỏ cấp xã là Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp xã. Đồng thời, hiện nay, Sở Nội vụ đang phối hợp cùng Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy sửa đổi Quy chế số 15-QC/TU ngày

24 tháng 8 năm 2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về tổ chức và hoạt động của Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó sẽ tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy thống nhất danh sách các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp xã. Sau khi Quy chế mới được ban hành, Sở Nội vụ sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định cụ thể về danh sách Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (mới) theo đúng quy định.

- Việc thành lập, sắp xếp các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp xã, bên cạnh việc thực hiện quy trình, thủ tục tại văn bản hướng dẫn này còn phải thực hiện đảm bảo quy định theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của Trung ương<sup>1</sup>, Thành phố<sup>2</sup> và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

## **2. Việc thành lập chi hội ở khu phố, ấp**

- Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP quy định “3. *Liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ hội hoặc tên gọi khác (sau đây gọi chung là chi hội) là các tổ chức không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng được thành lập theo quy định của điều lệ hội. Địa điểm sinh hoạt thường xuyên của chi hội phải được ghi rõ trong quyết định thành lập, khi chi hội tổ chức sinh hoạt thì báo cáo chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật về hội họp.*”. Do đó, trường hợp cần thiết, hội có thẩm quyền thành lập các tổ chức liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ hội hoặc tên gọi khác trên địa bàn khu phố, ấp theo quy định nêu trên và điều lệ hội đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Khi hội có quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì các tổ chức trực thuộc hội đương nhiên chấm dứt hoạt động, thực hiện giải thể theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

## **3. Chính sách, chế độ đối với hội và người làm việc chuyên trách tại hội**

### **3.1. Đối với Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ**

#### **a) Nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước**

Căn cứ quy định tại Điều 39 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, nội dung hỗ trợ kinh phí từ ngân sách địa phương đối với Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ gồm các nội dung sau:

- Chi lương, phụ cấp và chế độ, chính sách khác theo quy định đối với người trong độ tuổi lao động được phân công, điều động đến làm việc tại hội theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế của hội;

<sup>1</sup> - Hướng dẫn số 05/HD-MTTW-BTT ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ban Thường trực Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp, tinh gọn, hợp nhất các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, cấp xã;

- Hướng dẫn số 31-HD/BTCTW ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thành lập tổ chức đảng tương ứng các đơn vị hành chính ở địa phương và sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể cấp tỉnh, cấp xã.

<sup>2</sup> Quy chế số 15-QC/TU ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thành ủy về tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chế độ thù lao cho những người đã nghỉ hưu giữ chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách của hội;

- Chi thực hiện hoạt động thường xuyên tính theo định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể như cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương theo số biên chế được giao;

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao;

- Cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động theo quy định pháp luật về đất đai, pháp luật về tài sản công, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ hướng dẫn của Sở Tài chính về việc dự toán, bổ sung kinh phí hàng năm và các hướng dẫn có liên quan để thực hiện việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Chính sách, chế độ đối với người làm việc tại Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

Người làm việc thường xuyên tại hội gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách; người làm việc tại đơn vị tham mưu, giúp việc trong biên chế được giao; người làm việc theo hợp đồng được thực hiện chính sách, chế độ theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Chế độ tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với người làm việc thường xuyên tại hội:

- + Người trong độ tuổi lao động được cấp có thẩm quyền phân công, điều động đến làm việc tại hội theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế của hội theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- + Người làm việc tại hội là người đã nghỉ hưu và người làm việc tại hội trong độ tuổi lao động không thuộc trường hợp quy định nêu trên thì thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

- Chế độ tiền lương, phụ cấp, chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ thù lao, khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng và chế độ, chính sách khác:

- + Người trong độ tuổi lao động có quyết định của cơ quan có thẩm quyền phân công, điều động đến làm việc tại hội và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho hội thì được hưởng chế độ chính sách theo quy định đối với cán bộ, công chức và thực hiện chế độ nghỉ hưu theo quy định của pháp luật;

- + Người làm việc tại hội không thuộc đối tượng quy định nêu trên, được hưởng tiền công và chế độ, chính sách khác do hội quyết định phù hợp với yêu cầu công việc và nguồn tài chính hợp pháp của hội, bảo đảm tương quan hợp lý trong nội bộ hội và theo quy định của pháp luật về lao động.

+ Đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách hội được hưởng chế độ thù lao theo quy định của pháp luật<sup>3</sup>. Kinh phí chi trả thù lao cho người đã nghỉ hưu giữ chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách hội được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ hàng năm cho hội.

### **3.2. Đối với các hội quần chúng khác**

Đối với các hội không thuộc danh sách Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định, căn cứ tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động và chủ trương giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền cho hội để tiến hành quy trình đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, cụ thể gồm:

- Xây dựng đề án hoặc kế hoạch triển khai (trong đó phải nêu chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phân ngân sách nhà nước hỗ trợ).

- Lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư, các cơ quan liên quan cùng cấp ở địa phương (thời hạn trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến không quá 15 ngày làm việc).

- Hoàn chỉnh đề án hoặc kế hoạch triển khai trên cơ sở ý kiến của các ngành và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành quyết định giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi cấp xã theo phân cấp.

- Căn cứ quyết định giao nhiệm vụ, hội lập dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp đối với hỗ trợ từ chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; Lập kế hoạch đầu tư gửi cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp đối với hỗ trợ chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước giao thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

- Việc thực hiện chế độ thù lao đối với người giữ chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách hội thực hiện theo Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 6039/QĐ-UBND và Công văn số 767/UBND-VX của Ủy ban nhân dân Thành phố và do kinh phí hội tự chi trả.

Trên đây là hướng dẫn thành lập, sắp xếp hội quần chúng có phạm vi hoạt động trên địa bàn cấp xã. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Sở Nội vụ và cơ quan

<sup>3</sup> - Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ thì đối tượng áp dụng chế độ thù lao là người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách hội;

- Quyết định số 6039/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ các chức danh lãnh đạo chuyên trách hội;

- Công văn số 767/UBND-VX ngày 23 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hỗ trợ kinh phí đối với các tổ chức hội hoạt động trong phạm vi quận - huyện, phường - xã, thị trấn tại Thành phố.

quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động của hội để hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Các sở, ngành và tương đương (để phối hợp);
- Các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh;
- Lưu: VT, P.TCBC&TCPCP, NT.Thảo.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Bắc Nam**